

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng;

Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú T, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/QĐXXST-HS ngày 27/01/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 64/2023/TB-TA ngày 06/3/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 7 năm 1990, tại quận Tây H, TP Hà N; Nơi cư trú: Thôn Chu Xá, xã Bắc S, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: không; Con ông: Trần Quang Th (Đã chết); Con bà: Lê Thị Ch, sinh năm 1963; Hiện mẹ đẻ ở Thôn Chu Xá, xã Bắc S, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y; Anh em ruột: Có 02 anh em (Bị cáo là con thứ 02; anh trai đã chết năm 2015); Vợ: không có; Con: 01 con, sinh năm 2010; Hiện con đang ở với bà nội ở Thôn Chu Xá, xã Bắc S, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y;

Tiền án: 02 tiền án.

+ Bản án số 178/2011/HSST ngày 22/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Hà Nphat 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích (ra trại năm 2014)

+ Bản án số 48/2015/HSST ngày 30/ 6 /2015 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Hà Nội năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản (ra trại ngày 05/5/2021).

Tiền sự: không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Năm 2007 bị đưa đi cai nghiện bắt buộc 24 tháng;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/9/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú T (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Chu Văn Q** - Luật sư Công ty luật hợp danh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú T.

Địa chỉ: Số 164, đường Minh Lang, phường Tiên C, thành phố Việt T, tỉnh Phú T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bị hại: Anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Tây An, xã Chí M, huyện T, tỉnh H (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia L, TP Hà N (Vắng mặt).

2. Chị **Lê Thị Thu Th**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu 4, xã Yên L, huyện Hạ H, tỉnh Phú T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Trần Minh T, sinh năm 1990, thường trú tại thôn Chu Xá, xã Bắc S, huyện Ân T, tỉnh Hưng Y quen biết và có mối quan hệ tình cảm với chị Lê Thị Th, sinh năm 1980, thường trú tại khu 4, xã Yên L, huyện Hạ H, tỉnh Phú T. Vì vậy từ khoảng tháng 5 năm 2022, T đăng ký tạm trú và đến ở cùng nhà chị Th. Đến tháng đầu tháng 9 năm 2022, do phát sinh mâu thuẫn nên T không ở cùng nhà chị Th nữa và bỏ về Hà N sinh sống.

Khoảng 8 giờ ngày 13/9/2022, Trần Minh T đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển số: 29N-098.13 đến nhà chị Th, khi đến nơi T thấy nhà chị Th khóa cổng, thấy chị Th và anh Phạm Văn V, sinh năm 1976, trú tại Thôn Tây An, xã Chí M, huyện T, tỉnh H đang đứng ở khu vực chuồng lợn nhà chị Th. T gọi chị Th mở cổng nhưng chị Th không mở cổng. T trèo qua tường rào đi đến khu vực chuồng lợn thì gặp chị Th và anh V, sau đó T cùng chị Th, anh V đi vào phòng khách nhà chị Th. Tại phòng khách, T và anh V, chị Th cùng ngồi nói chuyện tại bàn uống

nước, T ngồi ở ghế đơn phía bên ngoài, chị Th và anh V ngồi ở chiếc ghế dài phía đối diện. Trong quá trình nói chuyện, giữa T và anh V, chị Th xảy ra mâu thuẫn. Do bức tức nên T đi vào khu vực phòng bếp nhà chị Th lấy 01 chiếc kéo có chuôi kéo màu xanh dài khoảng 20cm ở giỏ đũa trong bếp rồi cầm ở tay đi ra phòng khách. Chị Th thấy T cầm chiếc kéo ở tay trái giấu sau lưng nên có đến can ngăn, nhưng T vẫn cầm và giấu chiếc kéo sau lưng rồi đến ghế ngồi, chị Th lại đi sang chiếc ghế dài ngồi cùng anh V, lúc này giữa T và anh V có nói nhau mấy câu, đồng thời thấy anh V và Chị Th ngồi sát cạnh nhau nên T ghen tuông, bức tức nên lao về phía anh V, lúc này anh V cũng vừa đứng lên khỏi ghế, tay trái T cầm chiếc kéo đâm vào vùng bụng anh V, khi T rút kéo ra thì anh V có dùng tay nắm được vào chiếc kéo, hai bên cùng giằng co chiếc kéo làm anh V rách da ở bàn tay phải và xước da ở vùng bụng, quá trình giằng co chiếc kéo giữa anh V và T có làm rơi vỡ 01 chiếc cốc Th tinh xuống nền nhà, chiếc cốc bị vỡ làm rách da bàn chân trái của anh V. Trong lúc anh V và T đang giằng co nhau, chị Th chạy ra bên ngoài sân lấy 01 ống điều cày rồi cầm vào trong nhà vụt nhiều phát vào T, với mục đích ngăn cản để T không cho tấn công anh V nữa. Do bị chị Th đánh đau nên T bỏ tay ra khỏi chiếc kéo và chạy qua cửa chính ra sân rồi trèo rào ra phía ngoài đường.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức khám nghiệm hiện trường. Tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 ống điều; 01 nõ điều; 01 ghế trẻ em; 10 mảnh vỡ Th tinh; 01 chiếc kéo có kích thước 19cm x 07 cm, lưỡi kéo dài 11cm, trên lưỡi kéo có bám dính chất dịch màu nâu đỏ (được niêm phong theo quy định pháp luật); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển số 29N1- 098.13.

Ngày 16/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 162/QĐ- CSĐT (ĐTTH) Trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Phú T để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn V và cơ chế hình thành thương tích. Tại bản kết luận giám định số 191/TgT/2022 ngày 19/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú T kết luận:

- Vết thương số một vùng bụng: 01%
- Vết thương số hai vùng bụng: (mổ phẫu thuật): 02%
- Vết thương số ba vùng bụng (mổ dẫn lưu): 01%
- Vết thương số bốn vùng bụng (mổ dẫn lưu): 01%
- Vết thương gan đã phẫu thuật điều trị khâu vết thương gan cầm máu: 31%
- Vết thương da số một vùng bụng: 01%
- Vết thương da số hai vùng bụng: 01%
- Vết thương số một lòng bàn tay phải: 01%
- Vết thương số hai lòng bàn tay phải: 01%

- Vết thương bàn chân trái: 01%

Tại thời điểm giám định bệnh nhân đang điều trị vết thương hở nên Trung tâm pháp y chưa đánh giá được hết các tổn thương.

Áp dụng phương pháp cộng tại thông tư: 37,60%. Làm tròn 38%

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn V là 38%; Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương số một vùng bụng, vết thương gan: do tác động của vật sắc nhọn gây nên; hai vết thương lòng bàn tay phải, vết thương bàn chân trái do tác động của vật cứng có cạnh sắc gây nên; hai vết xước da vùng bụng do trượt với vật cứng có bề mặt sần sùi; Vết thương số hai, ba, bốn vùng bụng: Bác sỹ làm phẫu thuật để điều trị.

Ngày 03/10/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú T đã trưng cầu giám định bổ sung tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn V. Tại Kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 205/TgT/2022 ngày 05/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú T đã kết luận: Tại thời điểm giám định bổ sung cho anh Phạm Văn V không phát hiện thêm tổn thương gì trên cơ thể nên Trung tâm pháp y không có căn cứ xếp loại tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể; *Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn V là 38%.*

Ngày 13/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú T đã ra Quyết định trưng cầu giám định vết AND trên chiếc kéo thu giữ tại hiện trường. Tại bản kết luận số 6940 ngày 31/10/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Trên chiếc kéo gửi giám định (ký hiệu M) có bám dính máu của Phạm Văn V, không phát hiện thấy máu của Trần Minh T.*

Về vật chứng vụ án: 01 ống điều; 01 nõ điều; 01 ghế trẻ em; 10 mảnh vỡ Th tinh; 01 chiếc kéo có kích thước 19cm x 07 cm, lưỡi kéo dài 11cm, trên lưỡi kéo có bám dính chất dịch màu nâu đỏ; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoda Vision BKS: 29N-098.13(chiếc xe đăng ký mang tên chị Đỗ Thị Hờ Cổ bi, Gia Lâm, Hà N- chị Hoàng khai đã cho T) được chuyển đến cơ quan thi hành án dân sự.

Về dân sự: Anh Phạm Văn V yêu cầu bị cáo Trần Minh T bồi thường tổng số tiền là 40.000.000đ. Hiện Trần Minh T chưa bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra Trần Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của Trần Minh T phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định thương tích của anh V, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

b) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 03/CT - VKS-P2 ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T đã truy tố Bị cáo Trần Minh T về tội “Giết người” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 12 đến 13 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 13/9/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh T và anh Phạm Văn V thỏa thuận bị cáo T bồi thường cho anh V tổng các khoản là 40.000.000đ. Cần ghi nhận sự thỏa thuận.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 ống điều; 01 nõ điều; 01 ghế trẻ em; 10 mảnh vỡ Th tinh; 01 chiếc kéo có kích thước 19cm x 07 cm, lưỡi kéo dài 11cm, trên lưỡi kéo có bám dính chất dịch màu nâu đỏ của chị Lê Thị Th để tiêu hủy.

Trả lại cho Trần Minh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoda Vision BKS: 29N-098.13(đăng ký mang tên chị Đỗ Thị H ở Cổ bi, Gia L, Hà N) đã qua sử dụng để sở hữu. Vì không có liên quan gì đến vụ án. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt nhưng đã có quan điểm bào chữa cho bị cáo thể hiện nhất trí với tội danh mà Đại diện Viện kiểm sát đã truy tố. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mất sớm, anh trai chết trẻ, con còn nhỏ, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt về hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị với Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức án thấp nhất và buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

* *Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình chăm mẹ già và nuôi dạy con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa sơ thẩm Bị cáo Trần Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của Người bị hại, Người làm chứng, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về thương tích, biên bản xác minh, bệnh án ngoại khoa, cùng các tài liệu khác có lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/9/2022, tại nhà của chị Lê Thị Thu Th; ở khu 4, xã Yên L, huyện Hạ H, tỉnh Phú T, chỉ vì ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn giữa bị cáo Trần Minh T với anh Phạm Văn V nên Trần Minh T đã có hành vi dùng chiếc kéo có mũi nhọn, kích thước 19cm x 07cm (lưỡi kéo dài 11cm) đâm vào vùng bụng là vùng trọng yếu trên cơ thể của anh Phạm Văn V gây tổn thương cơ thể với tỷ lệ 38%. Việc anh V không chết là ngoài ý muốn chủ quan của T. Do đó, hành vi của T đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và có tính chất côn đồ.

Hành vi của Trần Minh T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của anh V, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bản thân Trần Minh T đã tái phạm chưa được xóa án tích, trong đó có 01 lần bị kết án về tội rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do đó Trần Minh T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” quy định tại điểm n, p khoản 1, Điều 123 Bộ luật Hình sự.

- Điều 123 Bộ luật Hình sự tội “Giết người” quy định:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a)

n) Có tính chất côn đồ;...

p) Tái phạm nguy hiểm;

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của Bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo muốn tước đoạt tính mạng của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặc dù hậu quả chết người chưa xảy ra. Nhưng đó là nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích phạm tội là do mâu thuẫn nhỏ nhặt, ghen tuông vô cớ với anh V nên bị cáo đã có hành vi dùng chiếc kéo có mũi nhọn, kích thước 19cm x 07cm(lưỡi kéo dài 11cm) là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng bụng là vùng trọng yếu của cơ thể anh V. Do đó, hành vi phạm tội của Bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Minh T phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại đến tính mạng của người khác nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Trần Minh T được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây ra hậu quả nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt vì vậy khi áp dụng mức hình phạt cần áp dụng Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự. Xong với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mặc dù hậu quả chưa xảy ra nhưng thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về mức hình phạt: Cần xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 điều 123 quy định “Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”.

Sau khi xem xét nhân thân, công việc của bị cáo thì thấy bị cáo là lao động tự do, trước khi phạm tội có nhân thân xấu nên lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt bổ sung là quản chế đối với bị cáo Trần Minh T từ 02 năm đến 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh T và anh Phạm Văn V thỏa thuận bị cáo Trần Minh T bồi thường tổng các khoản thiệt hại do sức khỏe cho anh Phạm Văn V số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 ông điều (mô tả vật chứng như biên bản thu giữ ban đầu); 01 nữ điều; 01 ghế trẻ em; 10 mảnh vỡ Th tinh; 01 gói niêm phong bằng hình dấu của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bên trong là chiếc kéo là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 29N1-098.13, số máy: JF33E-0013081; số khung: RLHJF3302CY013208. Qua xác minh chiếc xe máy này đăng ký mang tên chị Đỗ Thị H, quá trình sử dụng chị H đã cho bị cáo T nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, chị H không có đề nghị gì đối với chiếc xe này. Mặt khác, chiếc xe này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo để sở hữu nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo cơ bản phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Riêng về hình phạt người bào chữa cho bị cáo đề nghị không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm n, p khoản 1, khoản 4 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm điểm a khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 584; Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo: **Trần Minh T phạm tội “Giết người”.**

[2] Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 13/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Phạt Quản chế đối với bị cáo Trần Minh T 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

* Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo Trần Minh T và người bị hại anh Phạm Văn V, cụ thể: Bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho anh Phạm Văn V tổng các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 (Một) ống điều (mô tả vật chứng như biên bản thu giữ ban đầu);

+ 01 (Một) nõ điều;

+ 01 (Một) ghế trẻ em;

+ 10 (Mười) mảnh vỡ Th tinh;

+ 01 (Một) gói niêm phong bằng hình dấu của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an bên trong là chiếc kéo

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 29N1-098.13, số máy: JF33E-0013081; số khung: RLHJF3302CY013208 để sở hữu nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

(Các vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng do cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú T và cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T lập ngày 16/01/2023).

[4] *Về án phí:* Bị cáo Trần Minh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[5] *Quyền kháng cáo:* Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú T;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú T;
- PC 01; PC 06- Công an tỉnh Phú T;
- CQ THAHS, dân sự tỉnh Phú T;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang